

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14 /2021/HNGĐ-ST
Ngày 29 - 03 -2021
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG - TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Đông Cúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Phúc.

2. Bà Nguyễn Thị Ánh Gương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Ngân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 03 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 432/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2020, về việc: “Tranh chấp ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 03 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Đào Thị B, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: ông Võ Văn C, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Bà B có mặt, ông C vắng mặt tại phiên tòa lần 02 không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn xin ly hôn ngày 14/08/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đào Thị B trình bày: Do mai mối nên bà B và ông C kết hôn vào năm 1994, có đăng ký kết hôn theo quy định (Theo giấy chứng nhận kết hôn (bản chính) số 07/2015, quyển số 01 ngày 10/02/2015 tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Đồng

Tháp). Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc. Năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông C thường xuyên nhậu, không chăm lo cho gia đình, hay ghen tuông, vợ chồng luôn cãi vã và bất đồng quan điểm sống. Bà B nhiều lần gửi đơn ly hôn đến Tòa án nhưng rút đơn lại do đồng ý cho ông C cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng, trong thời gian hàn gắn tình cảm ông C không thay đổi, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn lại được. Nay bà B yêu cầu được ly hôn với ông C.

- Về con chung: Trong thời gian sống chung bà B và ông C có hai con chung Võ Thị Trúc Đ, sinh năm: 1995 và Võ Thị Xuân Đ, sinh năm 1999 hiện nay các con chung đã trưởng thành và có gia đình riêng sống bên chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Bị đơn ông Võ Văn C được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng đến nay không có văn bản ý kiến nộp (gửi) cho Tòa án, phiên tòa hôm nay ông C vắng mặt lần 02 không có lý do.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu và khẳng định đã xuất trình đầy đủ các chứng cứ cho Tòa án xem xét giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà B có đơn xin ly hôn với ông C, trú tại ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án cho ông C biết về nội dung yêu cầu xin ly hôn của bà B đối với ông C, nhưng đến nay ông C không có mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông C là đúng quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà B xin ly hôn với ông C, con chung không tranh chấp, tài sản chung không tranh chấp, nợ chung không có nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là: “Tranh chấp ly hôn” theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[3] Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân, bà B và ông C kết hôn vào năm năm 1994, có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống lúc đầu có hạnh phúc, thời gian gần đây thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Trước đây và cũng như tại phiên tòa hôm nay bà B yêu cầu ly hôn với ông C, đối với ông C đến nay không có văn bản ý kiến gửi đến Tòa án. Hội đồng xét xử xét thấy từ năm 2016 đến nay, vợ chồng ông bà mâu thuẫn xảy ra thường xuyên mà không tự hàn gắn lại được. Mặt khác, ông C không có ý kiến phản đối yêu cầu của bà B và cũng

không đến Tòa án theo các lần triệu tập nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải đoàn tụ cho ông bà. Điều đó chứng minh ông C không có thiện chí hàn gắn tình cảm với bà B. Nay bà B cương quyết ly hôn với ông C. Xét thấy hôn nhân của vợ chồng ông bà ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét yêu cầu ly hôn của bà B đối với ông C là hoàn toàn chính đáng, phù hợp. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà B đối với ông C.

Về con chung: Bà B trình bày trong thời gian sống chung bà và ông C có hai con chung Võ Thị Trúc Đ, sinh năm: 1995 và Võ Thị Xuân Đ, sinh năm 1999 hiện nay các con chung đã trưởng thành và có gia đình riêng sống bên chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với ông C không có ý kiến phản đối về con chung với bà B, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp con chung giữa bà B và ông C sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

Về tài sản chung: Tại các buổi hòa giải bà B khẳng định không tranh chấp tài sản chung, ông C cũng không có ý kiến gì về tài sản chung với bà B nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp tài sản chung giữa bà B và ông C sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

Về nợ chung: Tại các buổi hòa giải bà B khẳng định không có nợ chung, ông C cũng không có ý kiến gì về nợ chung đối với bà B nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp nợ chung giữa bà B và ông C sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà B phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000đ. Ông C không phải chịu tiền án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/- Về quan hệ hôn nhân:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đào Thị B được ly hôn với ông Võ Văn C.

2/- Về quan hệ con chung: Không xem xét giải quyết.

3/- Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4/- Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5/- Về án phí:

- Bà Đào Thị B phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn. Nhưng được trừ vào toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số BI/2019 0010285 ngày 10 tháng 12 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông. Như vậy bà B đã nộp đủ.

- Ông Võ Văn C không phải chịu tiền án phí ly hôn.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Thị Đông Cúc

Nơi nhận:

- TAND T.Đồng Tháp;
- VKSND H.Tam Nông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Thị Đông Cúc

